

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngữ pháp
Tiếng Anh
ôn thi Toeic



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ENGLISH ONLINE

Ngữ pháp
TIẾNG ANH

Ôn thi Toeic

(Tái bản lần thứ 10)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

Bài 1: Các chủ điểm ngữ pháp được hỏi trong bài thi TOEIC



Chào mừng các bạn đến với “Hệ thống ngữ pháp” chuẩn của Ôn Thi Toeic trong loạt hệ thống kiến thức trọng tâm học ôn Toeic hiệu quả. Đúng như tên gọi, mục lớn này nhằm giúp người học biết, nắm bắt và hiểu một cách có hệ thống các chuyên đề ngữ pháp chính cần có để hoàn thành tốt bài thi Toeic mới với 2 phần chính là Nghe và Đọc. Khởi động vững chắc với việc làm quen, phân biệt và chia 12 thì cơ bản trong Tiếng Anh nhanh chóng, chính xác. Tiếp đó, chúng ta sẽ tự tin cùng học về đặc tính của các từ loại, câu, mệnh đề. Đặc biệt, người học sẽ hoàn tất khung ngữ pháp một cách chắc chắn khi được gợi nhắc về các trường hợp ngoại lệ dễ gặp trong bài thi liên quan tới ngữ pháp. Cụ thể, “hệ thống ngữ pháp” gồm 27 chuyên đề, mỗi chuyên đề gồm có lý thuyết trọng tâm, dễ hiểu và 20 câu hỏi trắc nghiệm ôn luyện hiệu quả từ dễ tới khó:

Bài 2: [Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn](#)

Bài 3: [Hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn](#)

Bài 4: [Quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn](#)

Bài 5: [Quá khứ hoàn thành, quá khứ hoàn thành tiếp diễn](#)

Bài 6: [Tương lai đơn, tương lai tiếp diễn](#)

Bài 7: [Tương lai hoàn thành, tương lai hoàn thành tiếp diễn](#)

Bài 8: [Tổng hợp thời thì](#)

Bài 9: [Các dạng thức của động từ: Ving, To do](#)

Bài 10: [Động từ khuyết thiếu](#)

- Bài 11: [Danh từ](#)
- Bài 12: [Mạo từ](#)
- Bài 13: [Đại từ](#)
- Bài 14: [Các loại câu hỏi](#)
- Bài 15: [Tính từ và trạng từ](#)
- Bài 16: [So sánh](#)
- Bài 17: [Giới từ](#)
- Bài 18: [Bi động](#)
- Bài 19: [Hòa hợp chủ ngữ- động từ](#)
- Bài 20: [Câu điều kiện](#)
- Bài 21: [Mệnh đề quan hệ](#)
- Bài 22: [Giản lược mệnh đề quan hệ](#)
- Bài 23: [Mệnh đề danh ngữ](#)
- Bài 24: [Mệnh đề trạng ngữ](#)
- Bài 25: [Liên từ](#)
- Bài 26: [Quá khứ phân từ \(ed\) và hiện tại phân từ \(Ving\)](#)
- Bài 27: [Câu giả định](#)

Có thể nói, như một phần vai trò lên lộ trình ôn lại kiến thức ngữ pháp cho những ai mới bắt tay vào ôn thi Toeic cũng như không ít người đang và sẽ mong muốn có trong tay chứng chỉ giá trị này. Hãy luôn ghi nhớ sự nỗ lực của bạn sẽ quyết định bạn có thể nắm được hay không lượng kiến thức Tiếng Anh cần thiết trước khi tự tin đăng ký thi để chắc chắn có cho mình một điểm số Toeic cao. Chúc các bạn thành công và hãy bắt đầu với quyết tâm cao nhất nhé!

Bài 2: Hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn



Thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn thường khiến nhiều bạn lẫn lộn, không biết chúng khác nhau cái gì trong cấu trúc và ý nghĩa. Vì vậy, chúng ta cùng xem lại kiến thức về thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn nhé.

Các bạn cần nắm chắc cấu tạo, chức năng của 2 thì này để làm nền tảng cho những phần tiếp theo.

I. Cấu Trúc

HIỆN TẠI ĐƠN

+ **S + V(s/es)**

He plays tennis.

S + do not/ does not + Vinf

She doesn't play tennis.

? **Do/Does + S + Vinf?**

Do you play tennis?

HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

S + am/is/are + Ving

The children are playing football now.

S + am/is/are + not + Ving

The children are not playing football now.

Am/Is/Are + S + Ving?

Are the children playing football now?

II. Cách sử dụng

HIỆN TẠI ĐƠN

1. Diễn tả một thói

HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

1. Diễn tả một hành động đang xảy

HIỆN TẠI ĐƠN

quen, một hành động xảy ra thường xuyên lặp đi lặp lại ở hiện tại.

Ex:

- He watches TV every night.
- What do you do every day?
- I go to school by bicycle.

2. Diễn tả một chân lý, một sự thật hiển nhiên.

Ex:

- The sun rises in the East.
- Tom comes from England.
- I am a student.

3. Diễn tả một lịch trình có sẵn, thời khóa biểu, chương trình

Ex: The plane leaves for London at 12.30pm.

4. Dùng sau các cụm từ chỉ thời gian when, as soon as và trong câu điều kiện

HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

ra tại hiện tại.

Ex:

- The children are playing football now.
- What are you doing at the moment?

2. Dùng theo sau câu đề nghị, mệnh lệnh.

Ex:

- Look! The child is crying.
- Be quiet! The baby is sleeping in the next room.

3. Thì này còn được dùng để diễn tả một hành động sắp xảy ra. (THÌ TƯƠNG LAI GẦN)

Ex:

- He is coming tomorrow.
- My parents are planting trees tomorrow.

Lưu ý: Không dùng thì hiện tại tiếp diễn với các động từ chỉ nhận thức, tri giác như: to be, see, hear, understand, know, like, want, glance, feel, think, smell, love, hate, realize, seem, remember, forget, belong to, believe ...

Với các động từ này, ta thay bằng thì HIỆN TẠI ĐƠN GIẢN

Ex:

- I am tired now.
- She wants to go for a walk at the moment.

HIỆN TẠI ĐƠN

loại 1

Ex:

- We will not believe you unless we see it ourselves.
- If she asks you, tell her that you do not know.

HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

III. Dấu hiệu nhận biết

HIỆN TẠI ĐƠN

- Often, usually, frequently
- Always, constantly
- Sometimes, occasionally
- Seldom, rarely
- Every day/ week/ month...

HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

- Now
- Right now
- At the moment
- At present
- Look! Listen!...

IV. Spelling

HIỆN TẠI ĐƠN

- Ta thêm **S** để hình thành ngôi 3 số ít của hầu hết các động từ. Nhưng ta thêm **ES** khi động từ có tận cùng là **o, sh, s, ch, x, z**.

Ex: He teaches French.

- Nếu động từ tận cùng là **y** và đứng trước nó là một phụ âm, thì ta đổi **y** thành **i** trước khi thêm **es**.

HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

- Nếu động từ tận cùng là **e** đơn thì bỏ **e** này đi trước khi thêm **ing**. (trừ các động từ : to age (già đi), to dye (nhuộm), to singe (cháy xém) và các động từ tận cùng là **ee**
Ex: come --> coming

- Động từ tận cùng là 1 nguyên âm ở giữa 2 phụ âm thì nhân đôi phụ âm cuối lên rồi thêm **ing**.

Ex:
run --> running

HIỆN TẠI ĐƠN

Ex:

- He tries to help her.
- She studies at China.

HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

begin --> beginning

- Nếu động từ tận cùng là **ie** thì đổi thành **y** rồi mới thêm **ing**.

Ex: lie --> lying

- Nếu động từ tận cùng là **I** mà trước nó là 1 nguyên âm đơn thì ta cũng nhân đôi **I** đó lên rồi thêm **ing**.

Ex: travel --> travelling

Bài 3: Hiện tại hoàn thành, hiện tại hoàn thành tiếp diễn



Thì hiện tại hoàn thành và thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn cũng là một cặp khiến nhiều sĩ tử đi thi phải đau đầu đây.

Mời các bạn cùng xem qua kiến thức về cặp đôi này và làm một số bài tập củng cố kiến thức nhé.

I. Present Perfect (thì hiện tại hoàn thành)

1. Cấu trúc:

(+) S + has/have + PII.

(-) S + has/have + not + PII.

(?) Has/Have + S + PII?

Yes, S + has/have.

No, S + has/have + not.

2. Cách sử dụng:

2.1. Diễn đạt một hành động xảy ra ở một thời điểm không xác định trong quá khứ.

- Không có thời gian xác định.